TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2019
V/v:"Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thạnh và ông Nguyễn Tiến Nam.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tường Vy - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:* Ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/9/2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/HNGĐ-ST ngày 26/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh P, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn Hải T, thị trấn Thuận A, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: 40 – 42 Bàu C, phường 14, quận Tân B, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Ngọc Ánh V;

Địa chỉ: 54 – 32310 Mouat Drive Abbotsford, British Columbia V2T 4J1,Canada. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/3/2018 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Anh P trình bày:

Ông và bà Phạm Ngọc Ánh V quen biết nhau vào năm 2009 thông qua sự giới thiệu của một người bà con, sau một thời gian liên lạc tìm hiểu qua thư từ và điện thoại thì đến tháng 3 năm 2010 bà V về Việt Nam để kết hôn với ông trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư Pháp và được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/3/2010.

Sau khi kết hôn, hai người chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 02 tháng tại nhà của ông P ở Thôn Hải T, thị trấn Thuận A, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế sau đó bà V trở về lại Canada. Hai người vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Bà V có làm thủ tục bảo lãnh để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được chấp nhận, từ đó cả hai người ít liên lạc với nhau. Đến nay, sau 9 năm kết hôn, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà V để cả hai sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung và tài sản chung: Ông Nguyễn Anh P xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Phạm Ngọc Ánh V: Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã có công văn số 2718/CV-TAND vào ngày 18/9/2018 yêu cầu bà V cung cấp lời khai, đồng thời Tòa án đã thực hiện thủ tục Ủy thác tư pháp để Ủy thác cho chính quyền địa phương nơi bà V cư trú tại Canada tống đạt các văn bản này cho ông. Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cho Bộ tư pháp bang British Columbia, Canada để tống đạt cho bà Phạm Ngọc Ánh V. Đến ngày 07/8/2019, bà V đã có Đơn trình bày trả lời về việc đồng lý ly hôn với ông Nguyễn Anh P, về con chung và tài sản chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời do điều kiện ở xa không thể về Việt Nam tham gia tố tụng nên bà Vân có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm về tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã lập hồ sơ đầy đủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các bên đương sự đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng, Hội đồng xét xử đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, đảm bảo quyền trình bày, tranh luận của đương sự, không có gì cần phải kiến nghị khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 122; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho ông Nguyễn Anh P được ly hôn với bà Phạm Ngọc Ánh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Căn cứ thông tin nơi cư trú của bị đơn theo đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Anh P, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 25/3/2010 giữa ông Nguyễn Anh P và bà Phạm Ngọc Ánh V. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Phạm Ngọc Ánh V và Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp của

Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cho Bộ tư pháp bang British Columbia, Canada để tống đạt cho bà Phạm Ngọc Ánh V. Vào ngày 07/8/2019, bà Vân có đơn trình bày do điều kiện ở xa không thể về Việt Nam tham gia tố tụng nên bà Vân có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Anh P và bà Phạm Ngọc Ánh V kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/3/2010 phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì bà V trở về Canada. Do điều kiện hai người ở xa nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Trong quá trình xác minh và tại phiên tòa, ông P vẫn xin được ly hôn với bà V, đối với bà V cũng đã đồng ý ly hôn ông P. Xét thấy, mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Anh P được ly hôn với bà Phạm Ngọc Ánh V như ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Ông P và bà V xác định là không có và không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà V không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Ông Nguyễn Anh P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; điểm a khoản 5 Điều 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 122; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Anh P được ly hôn với bà Phạm Ngọc Ánh V.

2. Về con chung, tài sản: Ông Nguyễn Anh P và bà Phạm Ngọc Ánh V xác định là không có và không yêu cầu, nên Toà án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Anh P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 005454

ngày 30/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông P đã nộp đủ án phí.

Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Ông Nguyễn Anh P phải chịu 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp về dân sự ra nước ngoài, đã nộp đủ tại Biên lai số 005389 ngày 09/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Nguyễn Anh P phải chịu 100 đô la Canada tương đương 1.745.900 đồng Việt Nam về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam và số tiền 281.265 đồng Việt Nam, toàn bộ số tiền trên đã nộp đủ theo 02 Giấy chứng nhận nộp tiền ngày 07/01/2019 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Anh P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Phạm Ngọc Ánh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

TRƯƠNG CAO SƠN

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- UBND huyện Phú Vang;
- THA tỉnh TT-Huế;
- Các đương sự;
- Lưu VPTDS;
- Lưu HS.